

Bản án số: 141/2018/HSPT

Ngày: 30/3/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Ngôn

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Thanh Nguyễn

2. Ông Phan Văn Liệt

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thăng – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Võ Thị Diệp – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/HSPT ngày 17/01/2018 đối với các bị cáo Lê Thị Hoàng D và Lê Văn H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 185/2017/HSST ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn H; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: khu phố I, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (chết) và bà Trương Thị T; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ là bà Nguyễn Thị U và 02 con (con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1992); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/5/2012 bị cáo có hành vi đánh bài ăn thua bằng tiền, Công an phường T, Quận B có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2016 đến ngày 12/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

2. Lê Thị Hoàng D (tên gọi khác: H); Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1979 tại tỉnh Bến Tre; Thường trú: 77 ấp 7, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở: khu phố F, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị L; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng là ông Trần Tuấn P và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2016 đến ngày 16/8/2016 thay đổi biện pháp tạm giam bằng cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa:*

Ông Ngô Văn Q là luật sư thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật, Hội luật gia Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hoàng D - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2016, Võ Minh T thấy có bãi đất trống ở khu vực khu phố F, phường P, Quận B nên nảy sinh ý định mở sòng bạc dưới hình thức lặc “Tài- Xiu”. T chuẩn bị dụng cụ đánh bạc gồm 01 tấm nilon để trải xuống đất làm chiếu bạc, chén, đĩa và hột xí ngầu để lặc tài xiu. Hình thức đánh bạc là một người cầm cái lặc hột xí ngầu, người đánh bạc đặt cược ăn thua với người cầm cái số tiền tùy theo đặt “Tài” hoặc “Xiu” (tính điểm cộng 03 hột xí ngầu, từ 1 đến 10 là “Xiu”, từ 11 đến 17 là “Tài”). Ban đầu, T trực tiếp cầm cái ăn thua với người đánh bạc, thời gian sau T không cầm cái nữa mà giao cho người đến đánh bạc cầm cái, T thu tiền xâu 300.000 đồng/01 giờ.

Khoảng đầu tháng 4/2016, Lê Thị Hoàng D (nhà ở đối diện bãi đất trống) xin T cho D tham gia trông coi sòng bạc và thu tiền xâu cho T. T đồng ý giao cho D hàng ngày chuẩn bị sẵn địa điểm, phương tiện và trực tiếp thu tiền xâu, còn T lo canh chừng công an và giữ trật tự sòng bạc. Tiền xâu thu được T chia đôi cho D (mỗi người 150.000 đồng/01 giờ). Tổng cộng trong thời gian tổ chức đánh bạc, Võ Minh T đã thu lợi bất chính được số tiền khoảng 29.000.000 đồng. Lê Thị Hoàng D thu lợi bất chính được khoảng 2.000.000 đồng.

Vào khoảng 17 giờ, ngày 22/4/2016, T mang chiếu bạc đến bãi đất trống nêu trên gây sòng bạc. Sau đó giao cho Lê Văn và tên N (chưa rõ lai lịch) cầm cái. T giao cho D thu tiền xâu, còn T đi ở bên ngoài để canh chừng công an và giữ trật tự sòng bạc. Đến khoảng 20 giờ ngày 22/4/2016, Đội Cảnh sát điều tra về trật tự xã hội Công an Quận B kết hợp Công an phường P, Quận B bắt quả tang Lê Văn H, Lê Văn S, Trần Thanh V, Nguyễn Văn S, Trang Ngọc A đang có hành vi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức lặc “Tài-Xiu”.

Vật chứng thu giữ gồm: 03 hột xí ngầu, 01 cái chén, 03 cái đĩa, 01 chiếu bạc. Số tiền thu trên chiếu bạc: 2.600.000 đồng (trong đó của Lê Văn S 500.000 đồng, Trang Ngọc A 500.000 đồng, Trần Thanh V 150.000 đồng, Nguyễn Văn S 200.000 đồng, còn lại 1.350.000 đồng của một số người khác đã chạy thoát, không rõ lai lịch).

Ngoài ra, Cơ quan Công an còn thu giữ số tiền trong người dùng để đánh bạc gồm: Lê Văn H: 2.500.000 đồng; Nguyễn Văn S: 2.200.000 đồng; Trang Ngọc A: 1.600.000 đồng.

Lê Văn H khai nhận: H cùng với tên N (chưa rõ lai lịch) hùn tiền đến địa điểm trên cùng đánh bạc với những người khác dưới hình thức lắc tài xỉu. Ngày 22/4/2016, H góp 1.500.000 đồng, N góp 1.000.000 đồng (tổng cộng 2.500.000 đồng) và tham gia làm cái để đánh bạc ăn thua với những người khác. Khi bị bắt quả tang thu giữ của H 2.500.000 đồng là số tiền dùng để đánh bạc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B, Võ Minh T, Lê Văn H, Lê Thị Hoàng D, Lê Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 185/2017/HSST ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H và Lê Thị Hoàng D phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn thi hành một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/4/2016 đến ngày 12/10/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn thi hành một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Hoàng D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/4/2016 đến ngày 16/8/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Võ Minh T và bị cáo Lê Văn S về tội “Đánh bạc” và giải quyết về phạt tiền, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/12/2017 bị cáo Lê Thị Hoàng D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, ngày 19/12/2017 bị cáo Lê Văn H có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt hành vi phạm tội, hậu quả tội phạm mà các bị cáo thực hiện đã đề nghị:

Bị cáo Lê Văn H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 01 năm 09 tháng tù; bị cáo Lê Thị Hoàng D đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 01 năm 06 tháng tù cùng về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Văn H và bị cáo Lê Thị Hoàng D có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn H; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Thị Hoàng D.

Vì vậy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Các bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, để có thể xem xét cho các bị cáo.

Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H và bị cáo Lê Thị Hoàng D phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/4/2016 đến ngày 12/10/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Hoàng D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/4/2016 đến ngày 16/8/2016.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hoàng D không tranh luận về phần tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, luật sư cho rằng bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trình độ học vấn thấp, thu lợi

bất chính ít, có nơi cư trú ổn định, bản thân đang phải nuôi con nhỏ, hành vi phạm tội của bị cáo cũng xuất phát từ việc muốn kiếm thêm tiền để nuôi con ăn học. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và cho bị cáo D được hưởng án treo.

Đại diện của Viện kiểm sát tranh luận: tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay bị cáo D vẫn chưa khai rõ hành vi phạm tội của mình, việc chồng bị cáo bỏ bị cáo là do xuất phát từ việc bị cáo đánh bài, không chịu chăm sóc, răn dạy con của mình nên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hoàng D tranh luận: việc bị cáo D đánh bạc chỉ là một nguyên nhân nhỏ trong việc vợ chồng bị cáo D không thể chung sống với nhau. Tuy nhiên, bị cáo D không phải tự bỏ tiền của mình ra để thắng thua trực tiếp với các con bạc mà bị cáo có nhiệm vụ thu tiền xâu và hưởng lợi từ việc thu tiền xâu đó. Số tiền hưởng lợi này bị cáo sử dụng vào mục đích nuôi con ăn học vì số tiền lãi từ việc bán bún bò hàng không đủ để trang trải cuộc sống. Điều quan trọng nhất là hiện nay bản thân bị cáo D đang là người trực tiếp nuôi 03 con nhỏ, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hết hành vi của mình nên luật sư vẫn giữ nguyên đề nghị cho bị cáo D được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn H và bị cáo Lê Thị Hoàng D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo và giảm thời gian chấp hành hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân Quận B, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận B, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo D hàng ngày chuẩn bị sẵn địa điểm, phương tiện và trực tiếp thu tiền xâu. Tổng cộng trong thời gian tổ chức đánh bạc Lê Thị Hoàng D thu lợi bất chính được khoảng 2.000.000 đồng. Bị cáo Lê Văn H đã tham gia đánh

bạc với vai trò cầm cái khoảng 10 ngày. Khi bị bắt quả tang thì số tiền dùng để đánh bạc thu được tổng cộng là 8.900.000 đồng. Vì vậy, căn cứ hướng dẫn tại Điều 1; Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn thi hành một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo H, D đã phạm tội “Đánh bạc” quy định khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/12/2017 bị cáo Lê Thị Hoàng D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, ngày 19/12/2017 bị cáo Lê Văn H có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

Các bị cáo Lê Văn H và bị cáo Lê Thị Hoàng D có hành vi đánh bạc. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm khoản 1 Điều Điều 248 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù và bị cáo D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo H thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo H và bị cáo D phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho bị cáo H và áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho bị cáo D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo H không xuất trình thêm tình tiết nào mới để xem xét nên Hội đồng xét xử xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo H là đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như phù hợp với nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho bị cáo D. Bị cáo có nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo đang phải trực tiếp nuôi 03 con nhỏ ăn học (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013) nên Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho bị cáo D. Ngoài ra, bị cáo có nơi cư trú và việc làm ổn định, trong thời gian tại ngoại không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác nên thiết nghĩ không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H, giữ nguyên mức hình phạt tù đối với bị cáo H. Chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư và kháng cáo của bị cáo Lê Thị Hoàng D; sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo D được hưởng án treo.

Bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Thị Hoàng D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Hoàng D (tên gọi khác: H); sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H và bị cáo Lê Thị Hoàng D (tên gọi khác: H) phạm tội **“Đánh bạc”**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn H** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/4/2016 đến ngày 12/10/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Hoàng D** (tên gọi khác: **H**) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Hoàng D cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP-HCM; (3)
- THA-DS Quận B; (1)
- VKSND Quận B; (1)
- TAND Quận B; (3)
- Công an Quận B; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Ngôn